

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

102030
CÔNG
NHÌEM
DELOIT
VIỆT NA
ĐA - TP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đình Anh	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó chủ tịch
Ông Lương Công Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Thành viên
Ông Trần Quốc Hoài	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/3/2009)
Ông Phan Đức Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/3/2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lương Công Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/10/2009)
Ông Mai Xuân Khôi	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8/9/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 12 tháng 02 năm 2010

Số: *06* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toán phần vào ngày 12 tháng 3 năm 2009.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 02 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Đức Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		45.246.920.167	42.757.644.098
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	43.259.067.922	40.346.106.055
1. Tiền	111		13.259.067.922	2.816.551.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	37.529.554.325
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		960.842.997	1.758.681.428
1. Phải thu của khách hàng	131		618.619.077	1.070.496.501
2. Trả trước cho người bán	132		339.542.120	685.503.127
3. Các khoản phải thu khác	135		2.681.800	2.681.800
III. Hàng tồn kho	140		75.802.710	207.195.080
1. Hàng tồn kho	141		75.802.710	207.195.080
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		951.206.538	445.661.535
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		904.916.538	445.661.535
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		46.290.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		57.637.276.933	23.205.110.410
I. Tài sản cố định	220		42.770.618.377	20.834.686.275
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	18.403.987.480	11.173.295.054
- Nguyên giá	222		32.011.813.718	16.800.957.101
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.607.826.238)	(5.627.662.047)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	9.748.468.167	9.661.391.221
- Nguyên giá	228		23.844.787.952	16.178.613.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.096.319.785)	(6.517.222.733)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		14.618.162.730	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.400.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.400.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.466.658.556	2.370.424.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	9.153.214.537	783.688.635
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.799.244.019	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.514.200.000	1.586.735.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		102.884.197.100	65.962.754.508

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		52.705.012.148	16.619.711.127
I. Nợ ngắn hạn	310		45.460.439.118	12.466.150.433
1. Phải trả cho người bán	312		381.095.934	1.071.802.688
2. Người mua trả tiền trước	313		138.927.110	16.760.996
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	16.177.478.398	290.741.014
4. Phải trả công nhân viên	315		8.109.336.956	3.041.957.100
5. Chi phí phải trả	316	10	13.739.514.993	7.005.041.844
6. Phải trả nội bộ	317		6.527.020.052	865.522.213
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	277.810.376	163.192.798
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	12	109.255.299	11.131.780
II. Nợ dài hạn	330		7.244.573.030	4.153.560.694
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		47.596.956	19.341.770
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		7.196.976.074	4.134.218.924
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	13	50.179.184.952	49.343.043.381
I. Vốn cổ đông	410		50.179.184.952	49.343.043.381
1. Vốn điều lệ	411		41.142.000.000	40.650.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(233.000.000)	(705.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.270.184.952	9.398.043.381
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		102.884.197.100	65.962.754.508



Ngày 12 tháng 02 năm 2010

Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		201.784.374.715	106.166.968.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		891.918.000	-
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		200.892.456.715	106.166.968.435
4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	15	85.582.976.324	40.077.942.720
5. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	20		115.309.480.391	66.089.025.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.135.137.252	3.916.309.051
7. Chi phí bán hàng	24		23.224.930.347	17.095.418.942
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.488.564.959	16.016.766.550
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		66.731.122.337	36.893.149.274
10. Thu nhập khác	31		54.980.355	355.310.511
11. Chi phí khác	32		102.361.890	351.377.720
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(47.381.535)	3.932.791
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		66.683.740.802	36.897.082.065
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	12.917.545.123	9.556.344.255
15. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52		(1.799.244.019)	-
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		55.565.439.698	27.340.737.810
17. Lãi trên cổ phiếu	70	17	13.470	6.910



Ngày 12 tháng 02 năm 2010


Hồ Quốc Quân
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

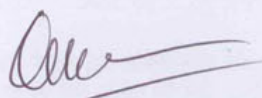
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009		2008	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	66.683.740.802		36.897.082.065	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02	15.568.932.893		10.807.887.726	
Các khoản dự phòng	03	-		14.594.045	
(Lãi) thanh lý tài sản cố định	04	(23.667.005)		(102.597.791)	
(Lãi) từ các khoản đầu tư	05	(3.494.332.422)		(3.779.679.321)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	78.734.674.268		43.837.286.724	
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	797.838.431		(1.284.161.480)	
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	131.392.370		(207.195.080)	
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.565.310.227		14.412.200.299	
(Tăng) chi phí trả trước	12	(8.802.535.405)		(272.796.522)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(80.679.456)		(10.948.941.495)	
Các quỹ đã sử dụng	15	(878.573.000)		(500.868.220)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	88.467.427.435		45.035.524.226	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(37.532.641.385)		(18.991.857.040)	
2. Thu từ thanh lý tài sản	22	51.443.395		354.034.511	
3. Tăng các khoản đầu tư dài hạn	25	(2.400.000.000)		-	
4. Lãi tiền gửi nhận được	27	3.494.332.422		3.779.679.321	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(36.386.865.568)		(14.858.143.208)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	1.297.000.000		650.000.000	
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(333.000.000)		(375.000.000)	
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.131.600.000)		(22.547.300.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.167.600.000)		(22.272.300.000)	
Tăng lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.912.961.867		7.905.081.018	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	40.346.106.055		32.441.025.037	
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	43.259.067.922		40.346.106.055	



Ngày 12 tháng 02 năm 2010


 Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty sau đó đã được điều chỉnh 4 lần như sau:

Giấy Chứng nhận	4103007072	ngày 21 tháng 06 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số	4103007072	ngày 01 tháng 08 năm 2007
	4103007072	ngày 13 tháng 06 năm 2008
	4103007072	ngày 13 tháng 11 năm 2008
	0305045911	ngày 23 tháng 09 năm 2009

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần FPT.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại 31/12/2009 là 261 (31/12/2008: 178).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; kinh doanh các trò chơi điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn cổ đông trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do việc áp dụng đó không ảnh hưởng trọng yếu và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2009
	Số năm
Thiết bị văn phòng	1 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí mua giấy phép kinh doanh trò chơi trực tuyến và phần mềm máy tính. Giấy phép và phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền trả trước và các loại chi phí trả trước dài hạn khác.

Phí giấy phép trả trước bao gồm phí trả trước cho các giấy phép đối với các bài hát do Công ty sử dụng. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê là hai năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và được chấp nhận bởi khách hàng.

- 1) Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian trong kỳ mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.
- 2) Doanh thu từ bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn cổ đông. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn cổ đông.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	415.836.321	451.438.976
Tiền gửi ngân hàng	12.843.231.601	2.365.112.754
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	37.529.554.325
	43.259.067.922	40.346.106.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2009	16.800.957.101	16.800.957.101
Tăng trong năm	15.248.304.657	15.248.304.657
Thanh lý, nhượng bán	(37.448.040)	(37.448.040)
Tại ngày 31/12/2009	<u>32.011.813.718</u>	<u>32.011.813.718</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2009	5.627.662.047	5.627.662.047
Khấu hao trong năm	7.989.835.841	7.989.835.841
Thanh lý, nhượng bán	(9.671.650)	(9.671.650)
Tại ngày 31/12/2009	<u>13.607.826.238</u>	<u>13.607.826.238</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2009	<u><u>18.403.987.480</u></u>	<u><u>18.403.987.480</u></u>
Tại ngày 31/12/2008	<u><u>11.173.295.054</u></u>	<u><u>11.173.295.054</u></u>

Nguyên giá của thiết bị văn phòng tại ngày 31/12/2009 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.192.509.995 VND.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giấy phép VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2009	16.017.327.769	161.286.185	16.178.613.954
Tăng trong năm	7.649.052.680	17.121.318	7.666.173.998
Tại ngày 31/12/2009	<u>23.666.380.449</u>	<u>178.407.503</u>	<u>23.844.787.952</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2009	6.436.579.651	80.643.082	6.517.222.733
Khấu hao trong năm	7.521.054.671	58.042.381	7.579.097.052
Tại ngày 31/12/2009	<u>13.957.634.322</u>	<u>138.685.463</u>	<u>14.096.319.785</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	<u><u>9.708.746.127</u></u>	<u><u>39.722.040</u></u>	<u><u>9.748.468.167</u></u>
Tại ngày 31/12/2008	<u><u>9.580.748.118</u></u>	<u><u>80.643.103</u></u>	<u><u>9.661.391.221</u></u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 VND	2008 VND
Tại ngày 1 tháng 1	783.688.635	-
Tăng	9.297.382.657	1.838.447.015
Phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh	(927.856.755)	(1.054.758.380)
Tại ngày 31 tháng 12	<u><u>9.153.214.537</u></u>	<u><u>783.688.635</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.706.826.473	745.016.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.865.046.556	(971.819.111)
Thuế thu nhập cá nhân	914.653.912	517.543.786
Các loại thuế khác	1.690.951.457	-
	16.177.478.398	290.741.014

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phí bản quyền	13.594.116.601	7.005.041.844
Khác	145.398.392	-
	13.739.514.993	7.005.041.844

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	231.382.303	157.242.703
Bảo hiểm xã hội	(10.733.939)	(14.487.705)
Bảo hiểm y tế	8.644.960	10.958.000
Bảo hiểm thất nghiệp	15.564.640	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.952.412	9.479.800
	277.810.376	163.192.798

12. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền: 5.520.867.519 VND theo Thông báo ngày 7 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị và theo Điều lệ của Công ty. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 dự kiến sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu tháng 3 năm 2010.

13. VỐN CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần FPT	960.000	23,33%	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.120.000	27,22%	11.200.000.000
Ông Lê Quang Tiến	128.000	3,11%	1.280.000.000
Cổ đông ưu đãi	880.000	21,39%	8.800.000.000
Cổ đông phổ thông khác	1.026.200	24,95%	10.262.000.000
	4.114.200	100,00%	41.142.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Tình hình biến động vốn cổ đông trong năm như sau:

	Lợi nhuận sau thuế			Tổng cộng
	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2008	40.000.000.000	(330.000.000)	4.604.605.571	44.274.605.571
Phát hành cổ phiếu	650.000.000	-	-	650.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	(375.000.000)	-	(375.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	27.340.737.810	27.340.737.810
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	(22.547.300.000)	(22.547.300.000)
Số dư tại ngày 1/1/2009	40.650.000.000	(705.000.000)	9.398.043.381	49.343.043.381
Phát hành cổ phiếu	492.000.000	805.000.000	-	1.297.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	(333.000.000)	-	(333.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	55.565.439.698	55.565.439.698
Trích từ lợi nhuận	-	-	(5.520.867.519)	(5.520.867.519)
Cổ tức	-	-	(50.131.600.000)	(50.131.600.000)
Giảm khác	-	-	(40.830.608)	(40.830.608)
Số dư tại ngày 31/12/2009	41.142.000.000	(233.000.000)	9.270.184.952	50.179.184.952

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 12 tháng 3 năm 2009, Công ty đã phát hành thêm 114.600 cổ phiếu phổ thông, trong đó lấy từ nguồn cổ phiếu quỹ 80.500 cổ phiếu và phát hành thêm 34.100 cổ phiếu mới theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Đồng thời, Công ty cũng phát hành thêm 15.100 cổ phiếu ưu đãi theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên có đầy đủ điều kiện.

Trong năm, Công ty đã mua lại 33.300 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo Điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)**

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.114.200	41.142.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.219.100	32.191.000.000	3.185.000	31.850.000.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	895.100	8.951.000.000	880.000	8.800.000.000
	4.114.200	41.142.000.000	4.065.000	40.650.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(23.300)	(233.000.000)	(70.500)	(705.000.000)
	(23.300)	(233.000.000)	(70.500)	(705.000.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.219.100	32.191.000.000	3.185.000	31.850.000.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	871.800	8.718.000.000	809.500	8.095.000.000
	4.090.900	40.909.000.000	3.994.500	39.945.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu quỹ phản ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

14. CỔ TỨC

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết ngày 12 tháng 3 năm 2009 về việc chia phần cổ tức còn lại của năm 2008 với trị giá 9.164.350.000 VND (tương ứng 2.300 VND/cổ phiếu). Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng đã thông qua các Nghị quyết ngày 4 tháng 5 năm 2009 và ngày 10 tháng 11 năm 2009 về việc tạm ứng khoản cổ tức trị giá 10.285.500.000 VND (tương ứng 2.500 VND/cổ phiếu) và 30.681.750.000 VND (tương ứng 7.500 VND/cổ phiếu) của năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí cước đường truyền	6.744.840.753	4.188.917.331
Phí bản quyền	53.740.071.689	33.427.288.614
Chi phí khấu hao	13.440.541.032	-
Chi phí nhạc số	6.927.151.775	1.316.403.393
Chi phí in thẻ gate	1.125.824.670	821.200.000
Chi phí SMS và chi phí khác	3.604.546.405	324.133.382
	85.582.976.324	40.077.942.720

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	66.683.740.802	36.897.082.065
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(66.173.318)	-
Cộng : Doanh thu dịch vụ nhận trước đã xuất hóa đơn	7.196.976.074	-
Thu nhập chịu thuế	73.814.543.558	36.897.082.065
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.453.635.890	10.331.182.978
Giảm thuế theo thông tư 03/2009/TT-BTC	5.536.090.767	774.838.723
	12.917.545.123	9.556.344.255

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh nghiệp nhỏ và vừa và do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009.

17. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

Lợi nhuận

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.565.439.698	27.340.737.810
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.565.439.698	27.340.737.810

Số cổ phiếu

	31/12/2009	31/12/2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.125.037	3.956.925

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2009	2008
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.470	6.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	6.841.009.566	3.057.524.345

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.234.078.500	6.731.994.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	30.228.880.000	25.286.644.750
Trên năm năm	29.198.977.500	29.794.635.000
	66.661.936.000	61.813.273.750

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê nhà tại 408 Điện Biên Phủ, Q10, HCM theo Hợp đồng thuê nhà số 02FPT/2008/HĐTN với thời hạn 10 năm từ ngày 15/10/2008 đến 15/10/2018 với tiền thuê nhà trong năm thứ nhất là 30.000 USD/tháng, năm thứ 2 là 32.000 USD/tháng, từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 là 35.000 USD/tháng, từ năm thứ 6 tăng giảm tùy theo tình hình thị trường nhưng tăng không quá 15% tiền thuê nhà của năm thứ 5.
- Số tiền thuê nhà tại 38 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà số SH/HĐTN/03/FPT-FO với thời hạn 3 năm từ ngày 05/05/2008 đến 04/05/2011 với tiền thuê nhà 1 tháng là 22.000.000 VND.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	231.450.116	1.797.000.346
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	2.493.300.731	6.094.251.282
Công ty TNHH Dữ liệu Trực tuyến FPT	2.041.000.000	2.767.257.000
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	3.458.659.260	1.977.543.800
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần FPT	11.808.000.000	5.424.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	13.776.000.000	6.144.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Truyền thông FPT	-	62.042.200
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	3.460.000	-
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	-	714.923.057
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	325.736.918	-
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam	29.758.135	-
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	699.600.000	-
Công ty TNHH Phân phối Công nghệ Thông tin FPT	5.089.860.554	-
Công ty Cổ phần Elead	382.064.445	-

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Thông báo ngày 8 tháng 2 năm 2010 của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định sẽ chi từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 4.544.170.970 VND trong năm 2010. Theo đó, Công ty đã ghi nhận một khoản phải trả cán bộ công nhân viên với số tiền tương ứng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2008	31/12/2008
	(Phân loại lại)	(theo báo cáo đã kiểm toán năm trước)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	163.192.798	4.297.411.722
Doanh thu chưa thực hiện	4.134.218.924	-
